TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/ 2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 8 - 2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2. Ông Thái Văn Lộc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Nhị Thảo N**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ 13. ấp Bàu Sen, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn T** sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 và quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Bùi Nhị Thảo N trình bày:

Chị và anh T sống chung với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2010 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh T quan hệ tình cảm trai gái không rõ ràng, chị có ghen tuông và vợ chồng gây gổ lẫn nhau, anh T đánh chị gây thương tích. Sự việc chị có báo chính quyền địa phương, Công an xã H trực tiếp đến lập biên bản , có xử phạt hành chính anh T một lần, nhưng anh không thay đổi. Sau đó chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Hiện nay hai mẹ con đang ở nhà trọ thuộc tổ 13 ấp Bàu Sen, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh T có hộ khẩu tại địa phương, nhưng bỏ đi làm ăn xa ở đâu chị không biết, không cung cấp thông báo địa chỉ mới cho chị. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, anh T không quan tâm gì đến cuộc sống của hai mẹ con, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, hạnh phúc tan vỡ, không thể hàn gắn được.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống và yên tâm lo làm ăn, nuôi con ăn học.

Về con chung**:** Chị và anh T có 01 con chung là Võ Thành N, sinh ngày 16/10/2009, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

* Anh Võ Văn T không đến Tòa án, không cung cấp bản khai nên không có lời khai trong hồ sơ.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị giao chị N tiếp tục chăm sóc. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung, chị N khai không có, nên không đặt ra xem xét. Án phí: chị N chịu theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa

chỉ, nơi ở mới cho chị N và Tòa án, nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng xét xử hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh T chung sống từ năm 2007 có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2010, tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cự cãi lẫn nhau, anh T đánh chị N nhiều lần gây thương tích, có Công an xã can thiệp, xử phát hành chính một lần, sau đó anh T bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho chị N và gia đình. Thời gian ly thân từ tháng 05/2018 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Kết quả xác minh ở địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là sự thật.

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung là Võ Thành N sinh ngày 16/10/2009. Từ khi anh chị ly thân, cháu N trực tiếp sống chung với chị N đến nay, tâm tư tình cảm cháu gắn liền với chị N, trong biên bản lấy lời khai cháu Nhân ngày 13/5/2019, cháu Nhân cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Nhân cho chị trực tiếp chăm sóc,nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung chị khai không có nợ ai nên không HĐXX không xem xét.

Đối với anh T. Qúa trình tham gia tố tụng anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng

theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Nhị Thảo N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Nhị Thảo N được ly hôn với anh Võ Văn T.

2.Về con chung: Giao cháu Võ Thành N sinh ngày 16/10/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

Anh T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

3.Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Nhị Thảo N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019678 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thu